

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Tấn Liêm.

2. Ông Bùi Hữu Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước - tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966. (xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh C ..

2. *Bị đơn:* Bà Quách Thị T, sinh năm 1969. (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh C ..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Vào năm 1985 ông M và bà T tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã với nhau.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên ông M yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Quách Thị T.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung, người con lớn nhất Nguyễn Chí Nguyễn – sinh năm 1987, nhỏ nhất là Nguyễn Thị Cẩm Giang - sinh năm 1989, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ thu*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn bà Quách Thị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông M yêu cầu ly hôn.

\* *Tại phiên tòa*:

- Ông Nguyễn Văn M xin xét xử vắng mặt.

- Bà Quách Thị T vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Quách Thị T đã được triệu tập họp lệ xét xử lần 2, nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M và bà Quách Thị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1985 ông M và bà T tiến đến hôn nhân, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Do quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà T được xác lập trước ngày 03/01/1987 (sống chung năm 1985, người con đầu của vợ chồng ông M và bà T - sinh năm 1987), nên căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội và điểm c.1 mục 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 13/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn M và bà Quách Thị T được công nhận là vợ chồng.

Theo lời trình bày của ông M, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên ông M yêu cầu ly hôn với bà T. Bà T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của ông M, qua đó cho thấy bà T không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa hai người. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân tới mức trầm trọng không

thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M đối với bà T.

[2.2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ thu: Các đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn M đối với bà Quách Thị T.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006248 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, ông M đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoàng Tuấn**

